

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện
Gia Lai và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1950/GP
1950/GPĐC1 ngày 18 tháng 7 năm 1997
ngày 19 tháng 4 năm 2005

Giấy phép Đầu tư của Công ty và giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 1950/GPĐC2/39/1 ngày 19 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 9 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đầu tư và các điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000148 ngày 2 tháng 8 năm 2007
5900421955 ngày 21 tháng 7 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 29 tháng 11 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Chủ tịch (từ ngày 14 tháng 11 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch (đến ngày 14 tháng 11 năm 2014)
Ông Cáp Thành Dũng	Phó Chủ tịch (đến ngày 14 tháng 11 năm 2014)
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên (từ ngày 14 tháng 11 năm 2014)

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngữ Ông Nguyễn Văn Lùng Ông Nguyễn Văn Lùng Ông Hồ Đắc Dũng Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 11 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc Thường trực (từ ngày 23 tháng 10 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23 tháng 10 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Bùi Tấn Khải Ông Lê Trọng Nam Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	561 Trần Hưng Đạo Thị xã Ayunpa Tỉnh Gia Lai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Lùng
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Gia Lai, ngày 25 tháng 2 năm 2015



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 48. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

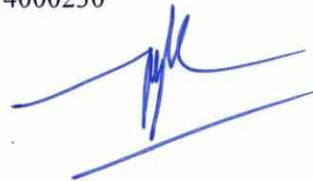
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo soát xét số: 14-01-324




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Nghi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2163-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		385.330.153.513	612.387.054.540
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	52.445.638.787	157.057.791.041
Tiền	111		22.445.638.787	7.057.791.041
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	150.000.000.000
Các khoản phải thu	130	6	180.735.116.317	277.280.246.534
Phải thu khách hàng	131		5.916.069.918	103.125.209.418
Trả trước cho người bán	132		167.946.603.400	173.021.317.008
Các khoản phải thu khác	135		7.153.474.439	1.414.751.548
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(281.031.440)	(281.031.440)
Hàng tồn kho	140	7	95.190.687.721	169.925.679.886
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.958.710.688	8.123.337.079
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.063.507.826	3.685.361.263
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.717.018.781	2.198.806.733
Thuế phải thu Nhà nước	154		296.620.718	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.881.563.363	2.239.169.083
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		811.584.704.952	408.337.138.490
Tài sản cố định	220		771.623.377.351	368.920.651.963
Tài sản cố định hữu hình	221	8	318.036.828.627	336.393.509.149
Nguyên giá	222		596.753.431.888	593.812.756.797
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(278.716.603.261)	(257.419.247.648)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
Nguyên giá	228		589.186.516	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(589.186.516)	(589.186.516)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	453.586.548.724	32.527.142.814
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	21.948.452.165	21.522.026.165
Đầu tư dài hạn khác	258		21.948.452.165	21.522.026.165
Tài sản dài hạn khác	260		18.012.875.436	17.894.460.362
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	18.003.875.436	17.885.460.362
Tài sản dài hạn khác	268		9.000.000	9.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.196.914.858.465	1.020.724.193.030

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		728.865.792.344	541.691.654.997
Nợ ngắn hạn	310		407.678.556.109	365.787.447.522
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	273.434.212.901	319.900.124.998
Phải trả người bán	312	14	115.114.362.032	17.206.299.736
Người mua trả tiền trước	313	15	5.589.202.070	69.020.441
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	1.153.268.252	11.732.651.144
Phải trả người lao động	315		110.221.019	4.828.682.480
Chi phí phải trả	316	17	6.795.351.257	7.593.410.671
Các khoản phải trả khác	319	18	1.887.836.914	2.609.160.022
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	3.594.101.664	1.848.098.030
Vay và nợ dài hạn	330		321.187.236.235	175.904.207.475
Nợ dài hạn khác	333		185.500.000	185.500.000
Vay và nợ dài hạn	334	20	321.001.736.235	175.718.707.475
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		468.049.066.121	479.032.538.033
Vốn chủ sở hữu	410	21	468.049.066.121	479.032.538.033
Vốn cổ phần	411	22	389.998.760.000	389.998.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(255.383.119)	(255.500.000)
Cổ phiếu quỹ	414	22	-	(1.044.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(413.588.550)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		36.504.487.475	35.243.029.693
Quỹ dự phòng tài chính	418		15.591.184.439	14.960.455.548
Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.623.605.876	39.086.836.792
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.196.914.858.465	1.020.724.193.030

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

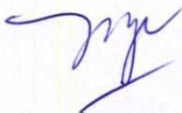
Mẫu B 01a – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	30/6/2014
Hàng hóa nhận giữ hộ khách hàng (VND)	146.795.735	59.390.234.315
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	704.989	-
Ngoại tệ (Đô la Singapore)	5.000	-

Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Văn Kim Cương

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc Thường trực:



Nguyễn Văn Lùng

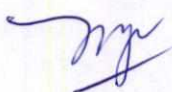
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	175.679.819.600	207.770.010.558
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	644.571.429
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	175.679.819.600	207.125.439.129
Giá vốn hàng bán	11	25	140.787.385.484	178.350.904.308
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		34.892.434.116	28.774.534.821
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.959.765.485	7.169.614.690
Chi phí tài chính	22	27	14.383.740.873	15.463.935.674
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.383.740.873</i>	<i>15.463.935.674</i>
Chi phí bán hàng	24		3.384.669.205	6.021.942.799
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.368.769.546	13.243.140.376
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		13.715.019.977	1.215.130.662
Thu nhập khác	31	28	2.611.313.916	5.128.187.123
Chi phí khác	32		-	225.896.477
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.611.313.916	4.902.290.646
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.326.333.893	6.117.421.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.759.726.612	1.728.940.567
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.566.607.281	4.388.480.741
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	322	203

Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Văn Kim Cương

Phó Tổng Giám đốc Thường trực:



Nguyễn Văn Lùng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2014 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		286.732.422.080	197.659.242.130
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(91.803.985.854)	(90.262.992.601)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.876.317.463)	(18.501.484.460)
Tiền lãi vay đã trả	04		(12.983.785.599)	(15.008.941.098)
Thuế thu nhập đã nộp	05		(8.567.778.763)	(10.385.866.353)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.001.443.577	12.304.514.979
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(68.704.004.328)	(45.548.705.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		120.797.993.650	30.255.767.247
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(306.511.197.457)	(64.185.537.884)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	3.064.090.909
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và bán các công cụ nợ	23		(100.000.000.000)	(92.000.000.000)
Tiền thu hồi từ khoản cho các đơn vị khác vay và bán các công cụ nợ	24		100.000.000.000	70.000.000.000
Tiền chi cho nông dân trồng mía vay	25		(560.250.000)	(732.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho nông dân trồng mía vay	26		133.824.000	487.187.945
Tiền thu lãi và cổ tức	27		4.041.576.770	4.278.686.923
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(302.896.046.687)	(79.087.572.107)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

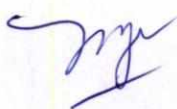
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2014 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	104.227.610.000
Tiền vay và nợ ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		725.267.587.273	320.918.202.135
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(628.735.725.226)	(232.253.335.670)
Tiền chi trả cổ tức	36		(19.064.149.400)	(22.609.646.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		77.467.712.647	170.282.829.665
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(104.630.340.390)	121.451.024.805
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		157.057.791.041	6.599.324.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		18.188.136	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	52.445.638.787	128.050.349.133

Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Văn Kim Cương

Phó Tổng Giám đốc Thường trực:



Nguyễn Văn Lùng

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 172/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 2 công ty con trong đó Công ty nắm giữ 100% cổ phần. Cơ cấu của Tập đoàn như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng và xây dựng công trình dân dụng.
- Công ty TNHH Tư nhân SECS được thành lập tại Singapore theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước Ngoài số 739 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014. Hoạt động chính của công ty là kinh doanh đường, các sản phẩm sau đường và nông sản khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 386 nhân viên (30/6/2014: 368 nhân viên).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty đã thành lập các công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Công ty TNHH Tư nhân SECS từ ngày 27 tháng 8 năm 2014, tuy nhiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai. Ngoài ra, Công ty cũng không có bất kỳ công ty con hay công ty liên kết nào khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và những năm trước. Do đó, Công ty đã không lập báo cáo hợp nhất cho năm kết thúc này 31 tháng 12 năm 2013 và những năm trước.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, ngoài các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh sau ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được ghi nhận là thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các nguồn khác ngoài kết quả hoạt động kinh doanh được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2013, quyền sử dụng đất thuê được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê đất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), trong đó quy định quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và do đó được phân loại lại là chi phí đất trả trước dài hạn. Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Chi phí đất trả trước dài hạn được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 43 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này nằm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà Tập đoàn nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(r) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Doanh thu điện*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản đủ điều kiện này.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(x) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Tiền mặt	93.603.657	1.406.918
Tiền gửi ngân hàng	22.352.035.130	7.056.384.123
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	150.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	52.445.638.787	157.057.791.041

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	-	33.375.000.000
Phi thương mại	43.290.000	-
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	-	100.000.000

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đối với các khoản phải thu thương mại và có thể thu được theo yêu cầu đối với các khoản phải thu khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 67.941 triệu VND (30/6/2014: 132.000 triệu VND) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 127.206 triệu VND (30/6/2014: 102.064 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 9,9% đến 10,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11,0% đến 14,0%).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí trả trước cho nông dân trồng mía là 3.969 triệu VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.663 triệu VND) và căn trừ khoản trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân với giá trị là 14.217 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 29.020 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Lãi phải thu từ khoản cho nông dân trồng mía vay	6.094.594.893	1.212.645.055
Lãi phải thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay	465.435.903	175.000.000
Chi phí trả hộ cho cổ đông	43.290.000	-
Phải thu khác	550.153.643	27.106.493
	7.153.474.439	1.414.751.548

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Nguyên vật liệu	20.304.009.967	11.964.400.338
Công cụ và dụng cụ	3.917.000.472	1.030.756.882
Sản xuất kinh doanh dở dang	12.716.359.188	2.869.751.637
Thành phẩm	57.542.483.798	154.017.854.987
Hàng hóa	710.834.296	42.916.042
	95.190.687.721	169.925.679.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 95.191 triệu VND (30/6/2014: 169.926 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng giá trị hàng tồn kho yêu cầu thế chấp cho các khoản vay lớn hơn số dư hàng tồn kho là 159.850 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	123.307.098.970	457.747.353.699	11.003.403.337	1.754.900.791	593.812.756.797
Tăng trong kỳ	-	2.140.925.091	634.550.000	165.200.000	2.940.675.091
Số dư cuối kỳ	123.307.098.970	459.888.278.790	11.637.953.337	1.920.100.791	596.753.431.888
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	42.611.751.808	209.899.222.667	3.715.135.159	1.193.138.014	257.419.247.648
Khấu hao trong kỳ	3.697.531.888	16.789.349.564	673.787.727	136.686.434	21.297.355.613
Số dư cuối kỳ	46.309.283.696	226.688.572.231	4.388.922.886	1.329.824.448	278.716.603.261
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	80.695.347.162	247.848.131.032	7.288.268.178	561.762.777	336.393.509.149
Số dư cuối kỳ	76.997.815.274	233.199.706.559	7.249.030.451	590.276.343	318.036.828.627

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 19 tháng 10 năm 2007 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia và được phê duyệt bởi các cổ đông của Công ty.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 109.280 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 107.828 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 169.218 triệu VND (30/6/2014: 179.736 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	589.186.516
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 589 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 589 triệu VND).

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	32.527.142.814	10.073.991.529
Tăng trong kỳ	421.059.405.910	41.850.449.073
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(4.844.508.276)
Số dư cuối kỳ	453.586.548.724	47.079.932.326

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 419.225 triệu VND (30/6/2014: 4.427 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 3.006 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 323 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014				30/6/2014			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác vào:								
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (a)	420.000	14%	14%	4.200.000.000	420.000	14%	14%	4.200.000.000
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	1.099.520	1,8%	1,8%	14.341.575.000	1.099.520	1,8%	1,8%	14.341.575.000
▪ Khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (b)				3.406.877.165				2.980.451.165
				<u>21.948.452.165</u>				<u>21.522.026.165</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị ghi sổ là 14.342 triệu VND (30/6/2014: 14.342 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (a) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (b) Các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 9,0% đến 9,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11,5% đến 14,5%). Các khoản vay được thu hồi trong vòng từ 3 đến 5 năm kể từ ngày cấp.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	13.005.776.136	4.879.684.226	17.885.460.362
Tăng trong kỳ	-	1.843.758.147	1.843.758.147
Phân bổ trong kỳ	(639.359.322)	(1.085.983.751)	(1.725.343.073)
Số dư cuối kỳ	12.366.416.814	5.637.458.622	18.003.875.436

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.415 triệu VND (30/6/2014: 1.415 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Vay ngắn hạn	247.787.205.985	303.180.124.998
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	25.647.006.916	16.720.000.000
	273.434.212.901	319.900.124.998

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (a)	VND	5,3% - 6,0%	100.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam (b)	VND	5,5% - 6,0%	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	5,9% - 6,7%	46.735.187.468	38.180.124.998
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (d)	VND	5,9% - 6,6%	15.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (e)	VND	3,9% - 4,3%	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (f)	VND	6,0%	16.052.018.517	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VND	7,5% - 8,5%	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương (e)	VND	7,0%	-	35.000.000.000
			247.787.205.985	303.180.124.998

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.790.000 USD (30/6/2014: 3.000.000 USD) và được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn tương đương 60 tỷ và các khoản phải thu với giá trị tối thiểu là 60 tỷ VND.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 USD (từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm) hoặc 2.500.000 USD (từ tháng 11 năm 5 hàng năm) và được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị tối thiểu là 2.500.000 USD (30/6/2014: 1.500.000 USD) và máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 7.393 triệu VND (30/6/2014: 7.900 triệu VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho được tài trợ từ khoản vay này với giá trị tối thiểu là 47 tỷ VND (30/6/2014: 46 tỷ VND) và thu nhập từ việc bán các tài sản này.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80 tỷ VND và không được đảm bảo.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 95 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND và cũng được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn khác từ ngân hàng này (Thuyết minh 20 – i).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

14. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các bên liên quan	10.000.000	103.950.000

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản ứng trước từ cổ đông để mua đường với giá trị là 1.027 triệu VND (30/6/2014: không). Khoản ứng trước này không được đảm bảo và không chịu lãi suất.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.211.759.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	589.936.748	5.397.988.899
Thuế thu nhập cá nhân	166.876.504	122.902.841
Các loại thuế khác	396.455.000	-
	1.153.268.252	11.732.651.144

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Chi phí vận chuyển	372.099.460	6.042.783.122
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	2.563.713.486	1.170.424.879
Chi phí lãi vay phải trả Cho bên liên quan	6.666.667	-
Chi phí hoạt động	2.923.775.115	-
Chi phí khác	929.096.529	380.202.670
	6.795.351.257	7.593.410.671

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

18. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Kinh phí công đoàn	162.398.796	154.810.206
Bảo hiểm xã hội và y tế	20.288.577	507.833.205
Cổ tức phải trả	52.279.200	11.924.200
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị	-	83.465.875
Phải trả khác	1.652.870.341	1.851.126.536
	<hr/> 1.887.836.914	<hr/> 2.609.160.022

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	1.848.098.030	3.031.051.591
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	3.637.713.524	2.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.891.709.890)	(3.915.186.990)
	<hr/> 3.594.101.664	<hr/> 1.115.864.601

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn (a)	301.746.559.865	185.745.550.717
Nợ thuê tài chính (b)	44.902.183.286	6.693.156.758
	<hr/> 346.648.743.151	<hr/> 192.438.707.475
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 13)	(25.647.006.916)	(16.720.000.000)
	<hr/> 321.001.736.235	<hr/> 175.718.707.475

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(a) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam					
▪ Khoản vay 1 (i)	VND	8,5% - 9,0%	2021	108.069.000.000	-
▪ Khoản vay 2 (ii)	VND	8,5% - 9,0%	2022	101.981.450.718	-
▪ Khoản vay 3 (iii)	VND	8,5% - 9,0%	2021	76.859.998.147	-
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (iv)					
	VND	5,4%	2019	8.710.000.000	9.570.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (v)					
	VND	8,5%	2020	6.126.111.000	-
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (vi)					
▪ Khoản vay 1	VND	10,5% - 11,0%	2023	-	135.000.000.000
▪ Khoản vay 2	VND	10,5% - 11,0%	2021	-	7.512.377.902
▪ Khoản vay 3	VND	10,5% - 11,0%	2021	-	33.663.172.815
				301.746.559.865	185.745.550.717

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với hạn mức tối đa là 108.069 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.415 triệu VND; máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 144.268 triệu VND; tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong các dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 TMN lên 6.000 TMN với giá trị còn lại và giá trị ghi sổ lần lượt là 17.557 triệu VND và 217.185 triệu VND; xây dựng cơ bản dở dang trong dự án đầu tư nhà máy nhiệt điện bã mía Gia Lai với giá trị ghi sổ là 202.040 triệu VND; khoản đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 14.342 triệu VND và quyền bán điện trong hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 28 quý bằng nhau, mỗi quý trả 3.860 triệu VND bắt đầu từ ngày 9 tháng 1 năm 2015. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 9 tháng 10 năm 2021.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với hạn mức tối đa là 245.922 triệu VND cũng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn khác tại ngân hàng (Thuyết minh 20 – i). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 28 quý bằng nhau, mỗi quý trả 8.783 triệu VND bắt đầu từ ngày 9 tháng 1 năm 2016. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 9 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với hạn mức tối đa là 201.237 triệu VND được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 202.040 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 28 quý bằng nhau, mỗi quý trả 2.745 triệu VND bắt đầu từ ngày 9 tháng 7 năm 2015. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 9 tháng 10 năm 2021.
- (iv) Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam với hạn mức tối đa 10 tỷ VND được đảm bảo bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 20 quý bằng nhau, mỗi quý trả 430 triệu VND bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2014. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tối đa là 7.231 triệu VND được đảm bảo bằng máy gặt mía John Deere mà Tập đoàn vẫn chưa nhận được và các khoản thanh toán cho nhà cung cấp được ghi nhận là khoản trả trước cho người bán với giá trị ghi sổ là 7.941 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 6 năm bằng nhau, mỗi năm trả 1.270 triệu VND bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2015. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 12 năm 2020.
- (vi) Trong kỳ, Tập đoàn đã hoàn trả đầy đủ những khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Cổ phần Thương mại Á Châu trước hạn.
- (b) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2014		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi	Nợ gốc
Trong vòng 1 năm	6.190.370.417	4.463.363.369	1.727.007.048
Trong vòng 2 đến 5 năm	39.316.265.317	11.684.152.549	27.632.112.768
Trên 5 năm	17.299.343.296	1.756.279.826	15.543.063.470
	62.805.979.030	17.903.795.744	44.902.183.286

	30/6/2014		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi	Nợ gốc
Trong vòng 1 năm	769.713.027	769.713.027	-
Trong vòng 2 đến 5 năm	7.176.906.742	483.749.984	6.693.156.758
	7.946.619.769	1.253.463.011	6.693.156.758

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã nhận được một tài sản thuê tài chính vẫn trong giai đoạn lắp đặt và được ghi nhận là xây dựng cơ bản dở dang và khoản thanh toán cho nhà cung cấp cho tài sản thuê tài chính chưa nhận được được ghi nhận là trả trước cho người bán.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013	174.065.800.000	-	(1.044.000)	-	32.182.036.384	13.429.958.893	42.023.618.303	261.700.369.580
Phát hành cổ phiếu	104.438.860.000	(211.250.000)	-	-	-	-	-	104.227.610.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.388.480.741	4.388.480.741
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(22.628.418.800)	(22.628.418.800)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	438.848.074	219.424.037	(658.272.111)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	278.504.660.000	(211.250.000)	(1.044.000)	-	32.620.884.458	13.649.382.930	21.125.408.133	345.688.041.521
Phát hành cổ phiếu	111.494.100.000	(44.250.000)	-	-	-	-	-	111.449.850.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	26.218.153.759	26.218.153.759
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	2.622.145.235	1.311.072.618	(3.933.217.853)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.323.507.247)	(4.323.507.247)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	389.998.760.000	(255.500.000)	(1.044.000)	-	35.243.029.693	14.960.455.548	39.086.836.792	479.032.538.033

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	389.998.760.000	(255.500.000)	(1.044.000)	-	35.243.029.693	14.960.455.548	39.086.836.792	479.032.538.033
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	12.566.607.281	12.566.607.281
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	116.881	1.044.000	-	-	-	-	1.160.881
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	1.261.457.782	630.728.891	(1.892.186.673)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.637.713.524)	(3.637.713.524)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(19.499.938.000)	(19.499.938.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b))	-	-	-	(413.588.550)	-	-	-	(413.588.550)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	389.998.760.000	(255.383.119)	-	(413.588.550)	36.504.487.475	15.591.184.439	26.623.605.876	468.049.066.121

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	38.999.876	389.998.760.000	38.999.876	389.998.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	38.999.876	389.998.760.000	38.999.876	389.998.760.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	104	1.044.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	38.999.876	389.998.760.000	38.999.772	389.997.716.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014		Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	38.999.772	389.997.720.000	17.406.476	174.064.760.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	10.443.886	104.438.860.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ ngày 16 tháng 9 năm 2014	104	1.040.000	-	-
Số dư cuối kỳ	38.999.876	389.998.760.000	27.850.362	278.503.620.000

23. Cổ tức

Hội nghị Đại hội đồng Cổ đông của Công ty tại ngày 20 tháng 10 năm 2014 quyết định phân phối khoản cổ tức 19.500 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 22.628 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	166.507.417.093	192.750.433.333
▪ Mật ri	3.113.691.429	8.623.686.192
▪ Bùn, tro, bã	34.023.332	70.830.000
▪ Phân bón	3.636.329.927	1.926.761.264
▪ Điện	1.644.328.380	3.923.618.462
▪ Mía giống	-	240.142.620
▪ Nước khoáng và các sản phẩm khác	744.029.439	234.538.687
	<hr/> 175.679.819.600	<hr/> 207.770.010.558
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(644.571.429)
Doanh thu thuần	<hr/> 175.679.819.600	<hr/> 207.125.439.129

25. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng giá vốn bán hàng		
▪ Đường	132.110.797.304	163.297.402.628
▪ Mật ri	3.113.818.201	8.540.173.514
▪ Bùn, tro, bã	33.596.196	71.082.041
▪ Phân bón	3.191.655.119	1.957.909.517
▪ Điện	1.644.328.380	3.923.618.462
▪ Mía giống	-	240.142.620
▪ Nước khoáng và các sản phẩm khác	693.190.284	320.575.526
	<hr/> 140.787.385.484	<hr/> 178.350.904.308

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	919.592.783	651.668.756
Lãi từ các khoản trả trước và khoản vay cho nông dân trồng mía	5.811.872.069	4.937.161.213
Lãi từ các khoản cho các bên khác vay	3.210.112.497	1.580.784.721
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	18.188.136	-
	9.959.765.485	7.169.614.690

27. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	14.383.740.873	15.463.935.674

28. Thu nhập khác

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	3.064.090.909
Tiền thu từ thanh lý phế liệu	2.591.313.916	1.733.220.145
Thu nhập khác	20.000.000	330.876.069
	2.611.313.916	5.128.187.123

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.759.726.612	1.728.940.567
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.759.726.612	1.728.940.567

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	16.326.333.893	6.117.421.308
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.591.793.456	1.529.355.327
Chi phí không được khấu trừ thuế	167.933.156	280.987.825
Ưu đãi thuế	-	(81.402.585)
	3.759.726.612	1.728.940.567

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty được thành lập tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Đối với lợi nhuận tính thuế từ dự án nâng cấp công suất nhà máy đường từ 1.500 TMN lên 1.800 TMN: 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2011 và 22% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2013.
- Đối với lợi nhuận tính thuế từ dự án nâng cấp công suất nhà máy đường từ 3.200 TMN lên 6.000 TMN: Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên Công ty phát sinh lợi nhuận tính thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.
- 22% lợi nhuận tính thuế từ thu nhập khác và từ dự án nhà máy đường ngoại trừ những khoản ưu đãi thuế trên.

(ii) Công ty con được thành lập tại Việt Nam

Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai

Công ty con, Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu và 22% cho những năm tiếp theo. Các công ty con cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và sẽ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

(iii) Công ty con được thành lập tại Singapore

Công ty TNHH Tư nhân SECS

Thuế được xác định theo các hướng dẫn và quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Singapore.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 12.566.607.281 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.388.480.741 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 38.999.832 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.606.735), được tính như sau:

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	12.566.607.281	4.388.480.741
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	12.566.607.281	4.388.480.741

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	38.999.772	17.406.476
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	4.200.259
Ảnh hưởng của phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	60	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	38.999.832	21.606.735

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách và khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và các phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khác hàng và đầu tư vào chứng khoán nợ của Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (ii)	52.352.035.130	157.056.384.123
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	13.069.544.357	104.539.960.966
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía (iv)	126.925.935.313	101.783.532.930
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (iv)	3.406.877.165	2.980.451.165
	195.754.391.965	366.360.329.184

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 5 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có khoản phải thu nào quá hạn (30/6/2014: không).

(iv) Các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách đầu tư mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Các khoản vay được thu hồi theo lịch trình thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước và đầu tư dài hạn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Trong hạn	130.114.035.446	104.409.972.734
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	134.416.289
Quá hạn trên 180 ngày	499.808.472	500.626.512
	<hr/>	<hr/>
	130.613.843.918	105.045.015.535

Không có biến động trong dự phòng giảm giá các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	247.787.205.985	251.676.611.126	251.676.611.126	-	-	-
Phải trả người bán	115.114.362.032	115.114.362.032	115.114.362.032	-	-	-
Phải trả người lao động	110.221.019	110.221.019	110.221.019	-	-	-
Chi phí phải trả	6.795.351.257	6.795.351.257	6.795.351.257	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.887.836.914	1.887.836.914	1.887.836.914	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	301.746.559.865	390.584.288.624	50.892.125.575	103.196.728.594	184.901.337.545	51.594.096.910
Nợ thuê tài chính phải trả	44.902.183.286	62.805.979.030	6.190.370.417	10.859.895.249	28.456.370.068	17.299.343.296
	718.343.720.358	828.974.650.002	432.666.878.340	114.056.623.843	213.357.707.613	68.893.440.206

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	303.180.124.998	309.048.808.769	309.048.808.769	-	-	-
Phải trả người bán	17.206.299.736	17.206.299.736	17.206.299.736	-	-	-
Phải trả người lao động	4.828.682.480	4.828.682.480	4.828.682.480	-	-	-
Chi phí phải trả	7.593.410.671	7.593.410.671	7.593.410.671	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.609.160.022	2.609.160.022	2.609.160.022	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	185.745.550.717	264.874.086.657	35.354.333.277	77.019.073.547	77.805.617.000	74.695.062.833
Nợ thuê tài chính phải trả	6.693.156.758	7.946.619.769	769.713.027	7.176.906.742	-	-
	527.856.385.382	614.107.068.104	377.410.407.982	84.195.980.289	77.805.617.000	74.695.062.833

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do các giao dịch của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	150.000.000.000
Vay dài hạn	(8.710.000.000)	(9.570.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	21.290.000.000	140.430.000.000
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	22.352.035.130	7.056.384.123
Trả trước cho nông dân trồng mía	126.925.935.313	101.783.532.930
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	3.406.877.165	2.980.451.165
Vay ngắn hạn	(247.787.205.985)	(303.180.124.998)
Vay dài hạn	(293.036.559.865)	(176.175.550.717)
Nợ thuê tài chính	(44.902.183.286)	(6.693.156.758)
	<hr/>	<hr/>
	(433.041.101.528)	(374.228.464.255)

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm 3,4 tỷ VND (30/6/2014: 2,9 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được thể hiện trong bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	52.705.351.812	157.057.791.041
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.069.544.357	104.539.960.966
- Trả trước cho người bán	126.925.935.313	101.783.532.930
- Đầu tư dài hạn khác	3.406.877.165	2.980.451.165
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18.541.575.000	18.541.575.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	117.002.198.946	19.815.459.758
- Nợ ngắn hạn khác	6.905.572.276	12.422.093.151
- Các khoản vay	549.533.765.850	488.925.675.715
- Nợ thuê tài chính	44.902.183.286	6.693.156.758

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư dài hạn khác vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía, vay dài hạn và nợ thuê tài chính

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán thành phẩm	100.000.000	63.571.428.571
Tạm ứng để mua tài sản cố định	-	100.000.000
Phí tư vấn	-	92.934.551
Mua hàng hóa và dịch vụ	727.822.669	-
Mua mía giống	-	15.032.000
Nhận góp vốn cổ phần	-	25.200.000.000
Phân phối cổ tức	-	-
Lãi vay	293.333.334	-
Hàng bán bị trả lại	1.026.957.500	-
Ứng trước tiền mua đường	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Mua tài sản cố định	-	600.000.000
Mua công cụ và thiết bị	-	-
Nhận góp vốn cổ phần	-	24.000.000.000
Phân phối cổ tức	4.400.000.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, trợ cấp công tác và thù lao	1.727.552.148	1.621.756.289

33. Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	117.109.195.075	282.992.156.340
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	70.645.843.339	248.606.532.363
	187.755.038.414	531.598.688.703

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	42.343.762.581	158.050.186.946
Chi phí nhân công	7.364.139.481	12.059.723.872
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.690.053.700	8.108.507.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.607.205.557	14.660.091.079
Chi phí khác	5.693.051.605	3.728.359.612

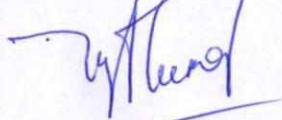
Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Văn Kim Cương

Pho Tổng Giám đốc Thường trực:



Nguyễn Văn Lùng